

THOÁT LI SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC TỰ NHIÊN - XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC

ĐỖ THỊ NGA*

TÓM TẮT

Hiện nay, không ít giáo viên (GV) và các nhà quản lý giáo dục (QLGD) cho rằng sách giáo khoa (SGK) nói chung, SGK môn Tự nhiên - Xã hội (TN-XH) nói riêng, là pháp lệnh. Và vì vậy, SGK luôn được coi là một phương tiện không thể thay thế trong tất cả các bài dạy.

Tuy nhiên, đối với môn TN-XH, do tính chất đặc thù của môn học, việc dạy học thoát li SGK là hoàn toàn cần thiết. Dựa trên việc phân tích mục tiêu, nội dung chương trình môn TN-XH, bài viết đề nghị một số biện pháp nhằm giúp GV và học sinh (HS) có thể dạy học thoát li SGK trong một số trường hợp cụ thể.

Từ khóa: sách giáo khoa, Tự nhiên-Xã hội, thoát li sách giáo khoa.

ABSTRACT

Going beyond textbooks in teaching Natural and Social Sciences at Primary Schools

Nowadays, a numbers of teachers and education managers consider textbooks in general and textbooks of Natural and Social Sciences in particular as ordinances. Therefore, textbooks are regarded as an irreplaceable teaching tool in most Natural and Social Sciences lessons. However, due to the special characteristics of this subject, it is highly advisable for teachers to go beyond the textbooks. Based on the analysis of the aim and curriculum of the subject, the paper presents some suggestions to help teachers and students to go beyond the textbook when teaching and learning in some particular cases.

Keywords: textbook, Natural and Social Sciences, going beyond the textbook.

1. Đặt vấn đề

Sách giáo khoa nói chung, SGK môn TN - XH nói riêng được thiết kế để chuyển tải nội dung chương trình môn học đến người học. Do tính chất đặc biệt này, SGK được nhiều GV cũng như các nhà QLGD xem là một phương tiện dạy học tốt nhất để thực hiện mục tiêu của chương trình đào tạo. Thêm vào đó, chương trình giáo dục tiểu học (TH) hiện hành của Việt Nam (chương trình sau năm 2000) thống nhất mỗi môn học chỉ dùng một bộ SGK duy nhất trên cả nước. Điều này dẫn đến một cách hiểu sai lầm:

SGK là pháp lệnh. Vì vậy, rất nhiều nhà QLGD và giáo viên TH (GVTH) quan niệm rằng việc thực hiện triệt để những gì SGK hướng dẫn là công việc bắt buộc. Đối với môn TN - XH nói riêng cũng như các môn học khác nói chung, vấn đề này dẫn đến một số bất cập như sau:

Một là, SGK không đáp ứng được ngay các nhu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức cũng như các vấn đề về phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học mới cho người học. Chương trình giáo dục nói chung, chương trình môn TN - XH nói riêng không bắt biến, khô cứng,

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: dongagdth@gmail.com

ngược lại, luôn mềm dẻo, linh hoạt để nắm bắt và phản ánh sự biến đổi không ngừng của cuộc sống xung quanh. Tuy nhiên, cần nhận thấy rằng, khi cần phải điều chỉnh, bổ sung những thông tin tri thức hay các phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học mới này... để dạy cho trẻ, thì SGK không dễ dàng làm được, mà phải chính người GV phải làm công việc này.

Hai là, việc dạy học một cách cứng nhắc theo SGK sẽ không phát huy năng lực của người học. SGK ở mọi cấp học đang ngày càng được cải tiến theo xu hướng dạy học theo lối mở. Cùng một vấn đề đặt ra nhưng có nhiều nội dung dạy học được trình bày trong SGK. GV có nhiều cơ hội hơn trong việc chủ động tiếp cận và lựa chọn những nội dung dạy học thích hợp với các đối tượng HS khác nhau. Do điều kiện dạy học và mức độ nhận thức của HS TH ở từng vùng miền khác nhau, HS có thể được học nhiều hơn về kiến thức, được yêu cầu cao hơn về kỹ năng so với những gì được trình bày trong SGK hoặc ngược lại. Mặt khác, Thông tư 30 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 28-8-2014 đã chỉ rõ: *“đánh giá để giúp HS phát huy các năng lực khác nhau, trong đó có năng lực tự đánh giá, giúp GV điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát hiện kịp thời những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện các khó khăn để giúp đỡ các em...”*.

Những điều trên càng cho thấy: sự phụ thuộc của các nhà giáo dục vào bộ SGK duy nhất như hiện nay thực sự là một trở ngại lớn cho việc dạy học lấy HS

làm trung tâm, dạy học theo hướng phát triển năng lực cá nhân, đáp ứng xu thế đổi mới giáo dục.

Thông qua việc phân tích mục tiêu, nội dung chương trình và SGK môn TN - XH, bài viết sẽ chỉ ra những nội dung học tập, những bài học của SGK môn TN - XH có thể được dạy với những phương tiện dạy học khác ngoài SGK. Với những phương tiện này, GVTH có thể tự tin và làm chủ tiến trình dạy học, dạy học sáng tạo nhằm không chỉ cung cấp kiến thức khoa học mà còn phát huy những năng lực khác nhau của HS.

2. Khái quát đặc điểm, mục tiêu chương trình môn TN - XH

2.1. Đặc điểm môn học

Những hiểu biết về sự vật và hiện tượng tự nhiên và xã hội gắn gũi với HS và cách vận dụng những hiểu biết đó vào thực tiễn cuộc sống của con người đã từ lâu trở thành đối tượng học tập của HS trên thế giới. Tập hợp những kiến thức thiết yếu ấy từ lâu đã tạo thành một môn học bắt buộc trong hầu hết các nhà trường TH. Tùy theo từng nước, môn học trên có nhiều tên gọi khác nhau và góc độ tiếp cận cũng khác nhau: Khoa học và công nghệ, Thường thức tự nhiên, Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên...

Ở Việt Nam, môn TN - XH được dạy cho HS từ lớp 1 đến lớp 5 trong chương trình cải cách bắt đầu từ năm học 1995-1996 và được tiếp tục ở Chương trình TH sau năm 2000. Tên gọi “Tự nhiên - Xã hội” là cách gọi chung môn học ở cả hai giai đoạn học tập của HSTH, bao gồm phần Tự nhiên và Xã hội ở các khối lớp 1, 2, 3 và các phân môn Khoa

học, Lịch sử và Địa lí ở các khối lớp 4, 5. Môn học cung cấp cho HS những hiểu biết ban đầu về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội xung quanh. Kiến thức của nhiều môn học khác nhau như Sinh học, Hóa học, Vật lí, Lịch sử, Địa lí... được cấu trúc lại thành một môn học với hệ thống những chủ đề nhất định xuyên suốt qua hai giai đoạn học tập của HSTH.

2.2. Mục tiêu chương trình môn học

2.2.1. Về kiến thức

Dạy học Tự nhiên - Xã hội nhằm giúp HS có hiểu biết về các lĩnh vực:

- **Con người và sức khỏe:** Gồm kiến thức về cơ thể người (các giác quan, các hệ cơ quan chính, sự trao đổi chất, sự sinh sản ở người...) và cơ sở khoa học của việc bảo vệ sức khỏe (ăn uống sạch sẽ, đề phòng bệnh tật, tai nạn...).

- **Xã hội:** Gồm những hiểu biết về môi trường xã hội xung quanh (gia đình, trường học, địa phương nơi HS sinh ra và lớn lên, các vấn đề về môi trường, giao thông... (giai đoạn 1); sơ lược lịch sử Việt Nam, địa lí Việt Nam và địa lí thế giới (giai đoạn 2).

- **Tự nhiên:** Gồm những kiến thức về động thực vật, vật chất, năng lượng, môi trường tự nhiên và mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên với con người, vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, sử dụng năng lượng, bảo vệ môi trường...

2.2.2. Về kỹ năng và thái độ

Thông qua việc cung cấp kiến thức, môn học, một mặt, hình thành ở HS nhiều kỹ năng khoa học cơ bản như quan sát, mô tả, so sánh, đánh giá... các mối quan hệ đơn giản trong tự nhiên và xã hội,

kỹ năng thực hành khoa học, kỹ năng áp dụng kiến thức vào đời sống để bảo vệ sức khỏe, giữ an toàn cho bản thân và gia đình; mặt khác, môn học còn hình thành ở HS những thái độ tích cực như tò mò, ham hiểu biết khoa học, yêu mến bảo vệ môi trường sống của mình, có ý thức tự giác thực hiện trong việc giữ sức khỏe, giữ an toàn, bảo vệ môi trường, yêu mến quê hương và đất nước Việt Nam...

2.3. Sách giáo khoa môn học

Về tên gọi: Tự nhiên và Xã hội là tên gọi của SGK môn học của các khối lớp 1, 2, 3. SGK các khối lớp 4, 5 có tên gọi Khoa học, Lịch sử và Địa lí.

Về cấu trúc: SGK ở cả hai giai đoạn được chia theo chủ đề, mỗi chủ đề gồm nhóm các bài học liên quan. SGK Tự nhiên và Xã hội, SGK môn Khoa học có hệ thống kí hiệu chỉ dẫn hoạt động học tập. Ví dụ: Kính lúp: hoạt động quan sát, nắm đấm và cây kéo: trò chơi học tập...

Về đặc điểm: Cả kênh hình và kênh chữ đều đóng vai trò cung cấp kiến thức cho HS. Các kí hiệu hướng dẫn GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Trong mỗi bài học thường có từ 3 đến 5 hoạt động. Nhìn vào SGK, GV có thể dễ dàng xây dựng các hoạt động dạy học, HS quan sát SGK và học tập theo những hướng dẫn này. Cách thức xây dựng này của SGK có ưu điểm là giúp GV có thể nhanh chóng đưa ra một kế hoạch dạy học sát với mục tiêu bài dạy, ít sai sót và “an toàn”. Tuy nhiên, đây lại cũng chính là điểm yếu của sách vì nó dẫn đến sự lệ thuộc của GV vào SGK, làm GV có tâm lí vừa ngại vừa sợ dạy học sáng tạo.

3. Những bất cập của việc sử dụng một bộ SGK môn Tự nhiên – Xã hội

3.1. Đối với những nội dung dạy học mang tính vùng miền

Như đã trình bày, do một số nội dung của chương trình được xây dựng nhằm phù hợp với đặc điểm vùng miền cụ thể, những bài học của phần này khó có thể được xây dựng một cách chi tiết, cụ thể cho tất cả các vùng miền khác nhau, ngoài một số gợi ý chung chung. Nếu chỉ dạy học theo những chỉ dẫn trong một bộ SGK hay sách giáo viên (SGV) duy nhất, thì GV không thể dạy học sát với thực tế địa phương và điều này đồng nghĩa với việc HS khó có thể áp dụng kiến thức được học vào cuộc sống. Có thể kể tên một số bài như *An toàn trên đường đi học*, *Cuộc sống xung quanh* (Tự nhiên và Xã hội 1), *Giữ sạch môi trường xung quanh nhà ở*, (Tự nhiên và Xã hội 2), *Phòng cháy khi ở nhà*, *Tỉnh (thành phố) nơi bạn đang sống*, *Không chơi các trò chơi nguy hiểm* (Tự nhiên và Xã hội 3), *Phòng tránh tai nạn đuối nước* (Khoa học 4), *Phòng tránh bị xâm hại* (Khoa học 5).

3.2. Đối với những nội dung dạy học mà đối tượng HT của HS là chính môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

Trong môn TN - XH, những nội dung dạy học là sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội gần gũi với trẻ chiếm một thời lượng và vị trí đáng kể. Ví dụ các kiến thức về tự nhiên thuộc các chủ đề về thiên văn học (Mặt trời, Trái đất, Hệ Mặt trời, Mặt trăng và các vì sao, các hiện tượng thời tiết gió, mưa, nóng, rét...) về động - thực vật (môi trường sống, sự trao

đổi chất, sự sinh sản...). Các kiến thức về xã hội thuộc các chủ đề Gia đình, Trường học, Quê hương như khung cảnh gia đình, trường học, lớp học của chính HS, khung cảnh quê hương (theo nghĩa hẹp: làng xã, phố phường... nơi HS sinh ra và lớn lên; theo nghĩa rộng: tổ quốc Việt Nam với các sự vật, hiện tượng địa lí, tiến trình lịch sử của dân tộc...). Việc tiếp cận trực tiếp với những đối tượng học tập này sẽ giúp HS có hiểu biết về môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, từ đó biết ứng xử đúng để có thể thích ứng và hội nhập.

Với khuôn khổ một tài liệu in ấn, SGK chỉ có thể sử dụng kênh hình là hình vẽ hay ảnh chụp để hướng dẫn trẻ tri giác sự vật, hiện tượng. Điều này gây khó khăn cho HS khi tư duy của trẻ ở giai đoạn này là tư duy trực quan cụ thể, nhận thức cảm tính. Chỉ bằng con đường tri giác trực tiếp các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính tâm lí của trẻ như trí nhớ, tư duy, tưởng tượng... sẽ dần phát triển và hoàn thiện. Mặc dù minh họa trong SGK cũng được coi là phương tiện dạy học trực quan tốt, nhưng nhiều khi chúng không thể thay thế môi trường thật sinh động, gần gũi với HS. Đối với những đối tượng học tập như hiện tượng trời nắng, trời mưa, bầu trời, các đám mây..., khung cảnh lớp học, trường học, gia đình hay làng xã, phố phường..., HS nên được quan sát, tìm hiểu trực tiếp.

3.3. Đối với những nội dung dạy học đòi hỏi HS phải được thực hành hay làm thí nghiệm

Một phần kiến thức môn TN - XH là các nội dung về khoa học thực nghiệm

liên quan đến vật lí, hóa học, sinh học thuộc chủ đề Vật chất và Năng lượng, Thực vật và Động vật. Để giúp HS có cái nhìn biện chứng về thế giới xung quanh và tạo niềm tin khoa học ở các em, phương pháp thí nghiệm - thực hành nên được sử dụng thường xuyên. Trên thực tế, một số bài học trong SGK phân môn Khoa học đã được xây dựng theo hướng này. Tuy nhiên, với các chỉ dẫn quá cụ thể và chi tiết, GVTH thường hiểu và áp dụng rất máy móc. Đặc biệt đối với một số bài có những ảnh chụp đồ dùng thí nghiệm như chai, lọ có sẵn, GV thường than phiền là họ không biết tìm những chai lọ này ở đâu, mặc dù những chai lọ này có thể thay thế bằng những vật dụng khác một cách dễ dàng (Bài 35: *Không khí cần cho sự cháy*, bài 82: *Âm thanh - Khoa học 4*). Lâu dần, GV có tâm lí ngại hoặc sợ dạy những nội dung này. Ngoài ra, không ít trường hợp SGK cung cấp kiến thức một cách áp đặt. Ví dụ: “Nhiệt độ của nước đang sôi là 100 độ C, của nước đá đang tan là 0 độ C” (Bài 50: *Nóng, lạnh và nhiệt độ - Khoa học 4*)...

3.4. Đối với những nội dung dạy học đòi hỏi áp dụng công nghệ thông tin

Trong dạy học TN - XH, rất cần đến dữ liệu điện tử trong các trường hợp như: khi cần cung cấp những sự vật, hiện tượng, những động thực vật xa lạ, khó hình dung đối với trẻ như hệ Mặt trời, sự sinh sản của côn trùng, của ếch, về thời tiết khắc nghiệt cũng như một số loài động vật đặc hữu của châu Nam Cực..., những hiện tượng xảy ra quá chậm hoặc quá nhanh hay các hiện tượng khó quan sát, nắm bắt như hạt nảy mầm, sự hô hấp

hay quang hợp của cây xanh, đường đi của máu trong cơ thể, sự tiêu hóa thức ăn... Ngoài ra như đã đề cập, trẻ TH có tư duy trực quan sinh động, cụ thể. Những dữ liệu điện tử thường có ưu thế là màu sắc, âm thanh sống động nên hấp dẫn trẻ hơn so với những hình ảnh minh họa đơn điệu trong SGK.

4. Kết luận và kiến nghị

Mặc dù không thể phủ định vai trò chính của SGK nói chung, SGK môn TN - XH nói riêng, là chuyển tải nội dung chương trình đến người học một cách hiệu quả nhất, có thể thấy SGK, SGV hoặc sách thiết kế môn học trong rất nhiều trường hợp cũng chỉ đóng vai trò là một trong nhiều những phương tiện dạy học. Vì vậy, GVTH không cần thiết và không nên chỉ tuân thủ những chỉ dẫn trong những tài liệu này mà phải biết sử dụng nhiều phương tiện và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, phù hợp với những nội dung dạy học và đối tượng HS cụ thể.

Vậy, làm gì để GVTH có thể mạnh dạn thoát li SGK trong dạy học TN - XH ở TH? Có lẽ nên và cần thiết tiếp tục thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, xúc tiến và ban hành cơ chế nhiều bộ SGK môn TN - XH cũng như các môn học khác nói chung cho các vùng miền khác nhau trên cả nước. Như vậy, GV và HS chắc chắn sẽ có nhiều lựa chọn phù hợp hơn trong việc dạy và học môn học.

Thứ hai, áp dụng triệt để tinh thần Thông tư 30 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá HS TH theo hướng phát huy các năng lực cá nhân. Cách đánh giá

bằng nhận xét, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực chắc chắn sẽ “cởi trói” cho cả GV và HS, làm cho việc dạy và học trở nên nhẹ nhàng và hiệu quả hơn.

Thứ ba, tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lí và đánh giá của đội ngũ QLGD. Hơn ai hết, đội ngũ QLGD phải am hiểu chương trình, SGK, có năng lực đánh giá thực sự thì mới đánh giá đúng, công bằng, GV mới “tâm phục, khẩu phục” và có ý thức trau dồi nghiệp vụ. Ngoài ra, cần tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho GV qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn, nâng chuẩn GV...

Thứ tư, giảm bớt áp lực từ các hoạt động phong trào, tạo điều kiện cho GV tập trung vào chuyên môn nhiều hơn để họ nhận thức được rằng ngày nay, SGK không còn là nguồn cung cấp kiến thức duy nhất. Ngoài SGK, HS có thể tiếp cận

với nhiều nguồn thông tin khác nhau từ internet, báo chí, truyền hình, từ các phương tiện dạy học khác nhau... Như vậy, việc dạy học chỉ bằng SGK như hiện nay của một bộ phận GV chắc chắn sẽ được xem xét lại.

Thứ năm, cần đánh giá giáo viên thực chất hơn qua việc nhìn nhận sự tiến bộ của HS với những am hiểu về khoa học, sự thuần thực về kĩ năng cũng như niềm vui và hứng thú học tập của các em. Có như vậy, người GV mới có động lực để thực hiện tốt hơn vai trò tổ chức, hướng dẫn HS phát huy các năng lực cá nhân trong học tập cũng như trong rèn luyện nhân cách.

Giáo án sau đây sẽ minh họa cho việc có thể thoát li hoàn toàn SGK mà vẫn đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu của bài học bằng cách sử dụng môi trường tự nhiên để dạy học (xem phụ lục).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Sách giáo viên, sách giáo khoa Tự nhiên và xã hội 1, 2, 3; Khoa học, Lịch sử và địa lí 4, 5*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học – Số 30/2014/TT-BGDĐT*.
3. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Đỗ Thị Nga (2013), *Dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học bằng phương pháp Bàn tay nặn bột*, Nxb Giáo dục Việt Nam .
5. Hoàng Thị Tuyết (2012), *Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Thời đại.
6. Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2009), *Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.
7. Nguyễn Khắc Viện (1998), *Tâm lí học sinh tiểu học*, Nxb Trẻ.

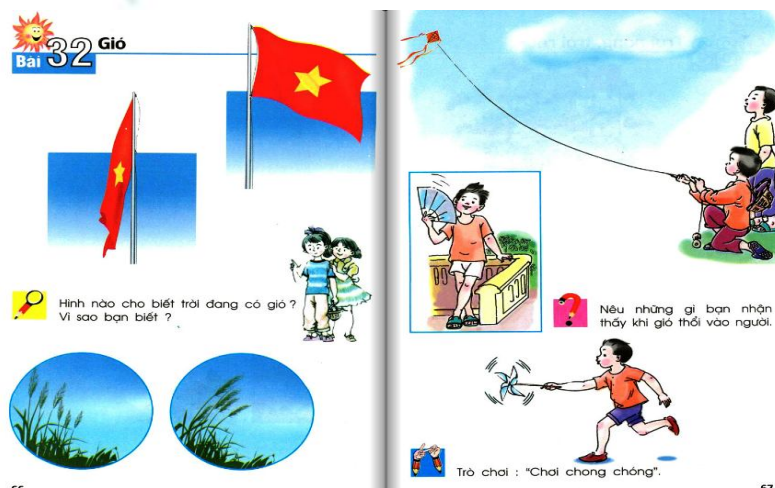
PHỤ LỤC

Bài 32: GIÓ (Tự nhiên và Xã hội 1)

1. Mục tiêu bài học

- **Kiến thức:** Qua bài học, HS biết:
 - Gió là một hiện tượng tự nhiên.
 - Con người có thể cảm nhận được bằng giác quan khi gió thổi vào người.
 - Nhận ra các dấu hiệu trời có gió hay không, gió nhẹ hay gió mạnh;
- **Kĩ năng:** Hình thành ở HS một số kĩ năng khoa học cơ bản:
 - Kĩ năng quan sát: Quan sát bằng các giác quan như mắt nhìn, tai nghe, cảm nhận qua da... các dấu hiệu tồn tại của gió;
 - Kĩ năng diễn đạt bằng lời nói;
 - Kĩ năng hợp tác làm việc nhóm;
- **Thái độ:** Hình thành ở HS những thái độ tích cực:
 - Yêu thích tìm hiểu môi trường xung quanh;
 - Tò mò, ham hiểu biết về sự vật, hiện tượng trong tự nhiên;

2. Trình bày bài học trong SGK



3. Phương tiện dạy học

- Môi trường tự nhiên với điều kiện thời tiết thuận lợi, có gió thổi;
- Một chuông lắc tay (hay còi) để tập hợp HS (có thể vỗ tay thay thế);
- Một số chong chóng đồ chơi đủ cho các nhóm HS.

4. Không gian tổ chức dạy học: Bên ngoài lớp học (sân trường, công viên...)

5. Các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Giới thiệu bài mới (5p):

Mục tiêu: Nêu vấn đề, khơi gợi óc tò mò ham hiểu biết khoa học ở HS;

Hướng dẫn thực hiện:

Bước 1. GV đưa HS ra sân trường, xếp hàng ngay ngắn ở chỗ có cây xanh râm mát. GV cho HS xem cái chong chóng và nêu vấn đề:

- Cô có cái gì trên tay? (chong chóng)